

TẠI LẦU HOÀNG HẠC TIỀN MẠNH HẠO NHIÊN ĐI QUẢNG LÃNG⁽¹⁾

(Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng)

LÍ BẠCH

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Thấy được tình cảm thắm thiết của Lí Bạch thể hiện qua một buổi đưa tiễn.
- Nắm được đặc điểm tình và cảnh hoà quyện trong bài thơ.

TIỂU DẪN



Lí Bạch

(Tranh của Phó Bảo Thạch – Trung Quốc)

Lí Bạch (701 - 762), tự là Thái Bạch, nguyên quán ở tỉnh Cam Túc, lớn lên ở Tứ Xuyên, cùng với Đỗ Phủ là một trong hai nhà thơ nổi tiếng nhất thời Đường; tính tình hào phóng, thích giao lưu với bạn bè và du lịch thưởng ngoạn phong cảnh. Năm hai mươi lăm tuổi, ông rời quê hương đi tìm đường thực hiện hoài bão, ước mơ, những mong dân chúng được yên vui, "đất nước thanh bình". Được vào làm việc ở Viện Hàn lâm, ông rất phấn khởi.

Nào ngờ nhà vua chỉ đối xử với Lí Bạch như một nghệ nhân cung đình, chỉ dùng ông khi cần điểm tô cho cuộc sống xa hoa hưởng lạc. Bất mãn, thất vọng, chỉ sau ba năm, Lí Bạch chủ động xin ra khỏi kinh đô, tiếp tục cuộc sống ngao du sơn thủy. Ông bị bệnh mất, để lại trên 1 000 bài thơ.

(1) *Quảng Lăng*: tên một quận ở thời Đường.

Lí Bạch là một nhà thơ lãng mạn lớn, có nhiều bài thơ nổi tiếng viết về đề tài thiên nhiên, chiến tranh, tình yêu, tình bạn. Âm hưởng chủ đạo trong thơ ông là tiếng nói yêu đời, lạc quan, hào phóng ; bên cạnh đó, trong một số tác phẩm của ông cũng có vài nét tiêu cực như tư tưởng hành lạc, cầu tiên học đạo. Lí Bạch đã có những sáng tạo mới mẻ, táo bạo trong việc xây dựng hình ảnh, tứ thơ cũng như trong việc sử dụng thể thơ và ngôn từ.

Mạnh Hạo Nhiên (689 - 740) là nhà thơ thuộc thế hệ đàn anh của Lí Bạch. Lí Bạch rất hâm mộ học vấn, tài năng và nhân cách của Mạnh Hạo Nhiên. Lí Bạch là người giao thiệp rộng, suốt đời để lại rất nhiều nơi nên tác phẩm viết về đề tài tiền biệt chiếm tỉ lệ khá cao trong sáng tác của ông. *Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng* được người đời sau nhất trí xem là bài thơ hay nhất viết về đề tài này.

*
* *

Phiên âm :

Cố nhân tây từ Hoàng Hạc lầu,
Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu.
Cò phàm viễn ảnh bích không tận,
Duy kiến Trường Giang thiên tế lưu.

Dịch nghĩa :

Ngoái về phía tây⁽¹⁾, bạn cũ già từ lầu Hoàng Hạc⁽²⁾,
Xuôi về Dương Châu⁽³⁾ giữa tháng ba mùa hoa nở rộ⁽⁴⁾.
Bóng cánh buồm lẻ loi xa xa mất hút vào khoảng không
xanh biếc,
Chỉ thấy sóng Trường Giang chảy ở bên trời.

(1) Có chỗ giải nghĩa : từ phía tây (vì lầu Hoàng Hạc ở về phía tây so với Dương Châu).

(2) *Lầu Hoàng Hạc* : toà lầu, đồng thời là di tích văn hoá nổi tiếng được xây từ năm 223 thời Tam quốc ở Xà Sơn – còn gọi là núi Hoàng Hạc – bên sông Trường Giang, nay thuộc thành phố Vũ Hán, tỉnh Hồ Bắc. Tên lầu, tên núi gắn với truyền thuyết Phí Văn Vi, người nước Thục tu thành tiên, cưỡi hạc vàng về đây rồi bay đi. Cũng có thuyết nói ông tiên Tử An từng cưỡi hạc vàng qua đây.

(3) *Dương Châu* : quận thành của Quảng Lăng, đô thị phồn hoa vào bậc nhất thời Đường, nay là thành phố Dương Châu, tỉnh Giang Tô.

(4) *Mùa hoa nở rộ* : nguyên văn là "yên hoa" (yên : khói ; hoa : hoa). *Yên hoa* : hoa trong sương mù trông như có khói bao phủ ; ở đây hình dung cảnh đẹp điểm lệ của mùa xuân.

Dịch thơ :

*Bạn từ lâu Hạc lên đường,
Giữa mùa hoa khói, Châu Dương xuôi dòng.
Bóng bướm đã khuất bầu không,
Trông theo chỉ thấy dòng sông bên trời.*

NGÔ TẤT TỐ dịch

(*Thơ Đường*, tập II, NXB Văn học, Hà Nội, 1987)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Đối chiếu bản dịch nghĩa với bản dịch thơ và thử chỉ ra những chỗ đạt hoặc chưa đạt.
2. Hai câu thơ đầu có phải chỉ tả cảnh hoặc tường thuật sự việc thuần túy không ? Đọc kỹ các chú thích và phân tích ý nghĩa của từ "cố nhân" và cụm từ "giã từ lâu Hoàng Hạc" (từ *Hoàng Hạc lâu*).
3. Hai câu thơ sau là tả cảnh hay tả tình ? Tự đặt ở vị trí tác giả để lí giải vấn đề, chú ý giá trị biểu cảm của các từ : "lẻ loi" (*cô*), "bóng cánh bướm... xa xa" (*phàm viễn ảnh*), "mất hút" (*tận*), "chỉ thấy" (*duy kiến*).
4. Học thuộc bản phiên âm và bản dịch bài thơ.

BÀI TẬP NÂNG CAO

Thơ Đường thường có biện pháp lấy cái có (hữu) để nói cái không có (vô) hoặc ngược lại. Hãy phân tích biện pháp nghệ thuật ấy trong bài thơ *Tại lâu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng*.

TRI THỨC ĐỌC - HIỂU

• Ngôn ngữ của thơ Đường

Vốn từ được sử dụng trong thơ Đường không phải là nhiều, hơn thế, thường lại là những từ quen thuộc, phổ biến. Ví dụ, về động vật, thực vật, ta thấy thường chỉ xuất hiện một lượng từ hạn chế chỉ một số cây, con nhất định (trong đó có không ít từ đã là những *biểu tượng* : *tùng, cúc, trúc, mai, liễu*,

sen, đào, oanh, yến, quạ, vet,...). Tuy vậy, ngôn ngữ thơ Đường lại có khả năng diễn đạt vô cùng tinh tế và phong phú. Nhờ công phu tinh luyện của các nhà thơ, với một số mã tối thiểu, có thể đưa lại một thông tin mới mẻ và tối đa. Muốn làm được điều ấy, bên cạnh *ngôn ngữ tinh luyện*, còn phải có *từ thơ độc đáo*. Học thơ Đường, trước hết là học *tinh thần lao động và sáng tạo* đó của các nhà thơ. Trong lúc thể hiện các đề tài chẳng lấy gì làm phong phú cho lắm, các nhà thơ có tài năng ở thời Đường đã không bao giờ chịu lặp lại người khác cũng như lặp lại chính mình. *Từ đất, mất chữ* (*tự nhân*, còn gọi là *nhân tự*, *chữ mất*) là những từ chìa khoá được tinh luyện cao độ, có sức khái quát cao, làm nổi bật được cái thần sự vật. *Tự nhân*, *khởi* (vào đề) và *kết* (kết thúc) là ba yếu tố rất được các nhà thơ xưa coi trọng, bởi vậy, lúc phân tích thơ cổ, không thể không đặc biệt chú ý.

Để xây dựng được những tứ thơ mới lạ đó, cũng như để làm nổi bật sự *tương đồng* hoặc *đối lập* giữa các sự vật, giữa các trạng thái tình cảm, các nhà thơ Đường thường dựng lên các mối *quan hệ* (quan hệ *xưa - nay*, *mộng - thực*, *tiên - tục*, *hữu - vô*, *sống - chết*, *vô cùng - hữu hạn*, *không gian - thời gian*, đặc biệt là quan hệ giữa *tinh* và *cảnh*,...). Các nhà thơ Đường thường chủ trương không nói hết ý (*ý tại ngôn ngoại* - ý ở ngoài lời, *ngôn tận nhi ý bất tận* - lời hết mà ý chưa hết), không nói trực tiếp (*ý đáo nhi bút bất đáo* - ý đến mà bút không đến, *hoạ vãn hiển nguyệt* - vẽ mây nhưng lại làm rõ trăng). Từ các mối quan hệ, độc giả có thể luận ra điều tác giả muốn gửi gắm. Đó là hướng chủ yếu để "giải mã" thơ Đường. Do đó, không thể đọc thơ Đường với thái độ lười biếng, dễ dãi mà phải đọc với tư cách người đồng sáng tạo.

• Thơ Đường và thơ Việt Nam

Thơ Đường có một mối liên hệ rất mật thiết với thơ Việt Nam. Bất cứ là về phương diện chọn đề tài, xây dựng hình ảnh, cấu tạo tứ thơ hay sử dụng ngôn ngữ,... thơ Đường đều đã cung cấp cho các nhà thơ Việt Nam những chất liệu sống động, những gợi ý quý báu. Truyền thống hiện thực, nhân đạo của thơ Đường đã tác động tích cực đến nhiều nhà thơ tiến bộ của Việt Nam. Có thể tìm thấy dấu vết nhiều bài thơ Đường phản đối chiến tranh, trước hết là của Vương Xương Linh và Lí Bạch, trong *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn. Có thể tìm thấy âm vang của nhiều bài thơ Đường, không chỉ trong thơ ca cổ điển Việt Nam mà cả trong phong trào Thơ mới 1932 - 1945.

Cả ba thể thơ Đường đều được du nhập vào Việt Nam, trong đó Đường luật là thể thơ để lại âm vang lâu dài và sâu rộng nhất. Cha ông ta đã có nhiều sáng tạo trong lúc vận dụng khiến cho thơ Đường luật, từ một thể thơ ngoại nhập dần dần trở thành một thể thơ mang đậm tính dân tộc. Do sự gò bó của những quy tắc chặt chẽ, thơ Đường luật khó diễn đạt được đầy đủ, sinh động tình cảm của con người hiện đại. Tuy vậy, nó vẫn xuất hiện trên một số lĩnh vực nhất định trong cuộc sống văn hoá của nhân dân ta (như hoạ thơ trong các ngày lễ tết, thơ châm biếm, đả kích, thơ mừng xuân, mừng thọ,...). Riêng thơ tứ tuyệt Đường luật, khác với ở Trung Quốc, vẫn còn sức sống mạnh mẽ ở nước ta. Nhiều nhà thơ thuộc các thế hệ khác nhau, kể cả một số nhà thơ trẻ hiện nay, đã sử dụng thể thơ đó một cách dễ dàng và viết được khá nhiều bài thơ hay. Có nhiều bài thơ hiện đại nổi tiếng gồm nhiều khổ, trong đó toàn bộ hoặc hầu hết các khổ thơ đều *vô tình* hay *hữu ý* được viết đúng theo công thức của thơ tứ tuyệt Đường luật. Đó là những hiện tượng lí thú rất đáng được nghiên cứu.